

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 715/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/5/2021.

Về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bích Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thực;

Ông Phạm Văn Hề.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đồi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1348/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Quang T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 314/48/11 đường Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị Thu C**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 167 Townview Road, Mount Pritchard, NSW 2170, Australia, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện ngày 04/02/2021, Bản tự khai ngày 29/3/2021, nguyên đơn ông **Trần Quang T** trình bày: Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà **Đỗ Thị Thu C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH, quyển số 01/1994 ngày 06/10/1994. Sau khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng càng về sau càng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó bà C đi nước ngoài định cư, từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

ông T xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà C.

Về con chung: ông T khai ông và bà C có 02 người con chung gồm: Trần Nam Anh, sinh ngày 31/10/1995 (đã thành niên) và Trần Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 24/3/2008. ông T yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Kim Ngân và yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông T đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản tự khai ngày 29/4/2021, bị đơn bà Đỗ Thị Thu C trình bày: bà C xác nhận những lời trình bày của ông T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn và đồng ý yêu cầu của ông T về việc ông T được nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 24/3/2008, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi. Đồng thời, bà C đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo nội dung Bản tự khai ngày 15/4/2021, cháu Trần Ngọc Kim Ngân trình bày: Từ nhỏ, cháu Ngân đã sống chung với cha ở Việt Nam, do đó nếu cha mẹ ly hôn, cháu Ngân có nguyện vọng được sống chung với Cha là ông Trần Quang T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Xét thấy, ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C và bà C hiện đang cư trú tại 167 Townview Road, Mount Pritchard, NSW 2170, Australia nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt ngày 29/4/2021 của bà Đỗ Thị Thu Cúc đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua lời trình bày của ông T và bà C, có cơ sở xác định: ông T và bà C có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH, quyển số 01/1994 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/1994, tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải hòa, bà C đã định cư ở nước ngoài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Do hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà C, bà C cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của ông T và bà C.

- Về con chung: ông T và bà C có 02 người con chung gồm: Trần Nam Anh, sinh ngày 31/10/1995; Trần Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 24/3/2008. ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Kim Ngân, yêu cầu bà C cấp dưỡng cho con 2.000.000 (hai triệu) đồng mỗi tháng cho đến khi cháu Ngân trưởng thành, bà C và cháu Ngân cũng thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của ông T, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên. Đối với Trần Anh Nam, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: ông T và bà Cúc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về ly hôn trong vụ việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Quang T phải chịu; án phí về việc cấp dưỡng cho con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Đỗ Thị Thu C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trần Quang T**, sinh năm 1970 và bà **Đỗ Thị Thu C**, sinh năm 1971.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53/KH, quyển số 01/1994 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/10/1994 cho ông Trần Quang T và bà Đỗ Thị Thu C hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: ông T và bà C có 02 người con chung gồm: Trần Nam Anh, sinh ngày 31/10/1995; Trần Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 24/3/2008. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà C về việc giao con chung tên Trần Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 24/3/2008 cho ông Trần Quang T trực tiếp nuôi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về cấp dưỡng: Bà Đỗ Thị Thu C cấp dưỡng cho con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Ngọc Kim Ngân đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Quang T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093772 ngày 12/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. ông T đã nộp đủ án phí.

- Bà Đỗ Thị Thu C phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Bà Đỗ Thị Thu C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Trần Quang T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 3, Quận 8, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, (Đời-S), 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Hoàng Bích Sơn